

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

DẦU CẮT GỌT PLC CUTTING OIL

Số CAS: Chưa có thông tin
Số UN: Chưa có thông tin
Số đăng ký EC: Chưa có thông tin
Mã sản phẩm: 0839-020



PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

Tên thường gọi: Dầu cắt gọt PLC Cutting Oil

Tên thương mại: Dầu cắt gọt PLC Cutting Oil

Tên khác (không là tên khoa học): Không xác định

Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu
TỔNG CÔNG TY HOÁ DẦU
PETROLIMEX - CTCP
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư
Sở, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP
Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.
Tel: 04.38513 205 Fax: 04.38513 207

Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex – CTCP. Tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Mục đích sử dụng: Dầu dùng cho các máy gia công kim loại. Đối với ứng dụng cụ thể, xem bản thông tin về sản phẩm hoặc tham khảo ý kiến đại diện của PLC.

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Dầu gốc			> 80
Diethylene glycol	111-46-6		0.075÷0.1485
Imidazoline	Confidential		0.015÷0.0735
Ethoxylated alcohol	Confidential		0.015÷0.0735

Sản phẩm này không chứa bất kỳ một thành phần nguy hiểm nào tại ngưỡng hay trên ngưỡng quy định

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm: Không phân loại

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS(Hệ thống hợp tác toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất)

Hình đồ



Từ cảnh báo: Cảnh báo

2. Cảnh báo nguy cơ:

- Khi tiếp xúc: Không nguy hiểm trong điều kiện sử dụng bình thường. Hạn chế tiếp xúc với hơi dầu. Tiếp xúc thường xuyên và kéo dài có thể bị kích ứng da, viêm da.
- Cháy, nổ: Không thuộc phân loại dễ cháy nổ nhưng sẽ cháy.
- Ảnh hưởng đến môi trường: Khó phân hủy bằng vi sinh.
- Thông tin khác: Không thuộc phân loại nguy hiểm trong khi cung cấp và vận chuyển

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng:

- **Đường mắt:** Có thể gây dị ứng mắt
- **Đường thở:** Nếu hít phải hơi dầu có thể gây dị ứng hô hấp nhẹ

- **Đường da:** Có thể gây dị ứng da

- **Đường tiêu hóa:** Không xác định

4. Biện pháp phòng ngừa: xem phần VIII.

Sản phẩm này không được xếp vào dạng sản phẩm độc hại theo như quy định Directive 1999/45/EC đưa ra

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Trong trường hợp sản phẩm tiếp xúc với mắt, rửa mắt ngay bằng nhiều nước ít nhất 15 phút. Nếu xảy ra hiện tượng đỏ rát, phải đi khám mắt.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Rửa chỗ tiếp xúc ngay bằng nước và xà phòng. Thay quần áo, giày dép. Đi khám nếu thấy hiện tượng kích ứng da.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Nếu hít phải thì làm sạch bằng không khí sạch. Tham khảo ý kiến của các chuyên gia y tế nếu có dấu hiệu bất thường xảy ra.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

Không cố nôn ra trừ khi có sự hướng dẫn của cán bộ y tế. Đưa nạn nhân đi cấp cứu kịp thời.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có): Không xác định, việc điều trị chủ yếu là về mặt triệu chứng nhằm giảm nhẹ bất cứ ảnh hưởng nào.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Nhiệt độ chớp cháy > 190°C

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Khói, carbon monoxide, carbon dioxide, aldehydes và các chất khác của sự cháy không hết. Hydrogen sulfide và alkyl mercaptans và sulfides có thể cũng thoát ra. Dưới điều kiện cháy, ô-xit của các chất sau có thể tạo thành: phosphorus, sulfur, zinc.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...):

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: CO₂, chất hoá học khô, hoặc bột. Nước có thể sử dụng cho hạ nhiệt và bảo vệ nguyên liệu trong vùng cháy

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Khuyến cáo dùng mặt nạ phòng độc. Nước có thể bị bắn ra

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có): Khói độc, khí gas và hơi có thể có trong đám cháy.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, RÒ RỈ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

Thấm chất lỏng bằng cát hoặc đất. Thu gom, đổ vào thùng chứa chất thải và đem đổ theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

Ngăn sự tràn bằng thiết bị ngăn thích hợp cùng với cát, đất hoặc vật liệu khác. Thu hồi dầu trực tiếp hoặc bằng vật liệu hấp thụ.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Cần thiết phải tiến hành kiểm tra độ an toàn của các quy trình và thiết bị tồn chứa và bảo quản, tranh bị rò rỉ, đổ, tràn.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...):

- Bảo quản ở nơi mát, khô và thoáng gió. Phương tiện chứa phải kín và có nhãn để dễ dàng nhận biết. Tránh ánh nắng trực tiếp, nguồn nhiệt và các hóa chất ô xy hóa mạnh.

- Nhiệt độ bảo quản: Cao nhất 45°C

- Gắn lên các thùng, bồn chứa dụng cụ báo chống tràn hoặc thùng, bồn phụ. Kho cần có mái che giữ cho mưa không vào. Hơi có mùi và độc có thể tạo ra từ phá hủy sản phẩm nếu lưu giữ ở nhiệt độ cao hơn 45°C trong thời gian dài hoặc cạnh nguồn nhiệt có nhiệt độ cao hơn 121°C. Nguyên liệu sẽ đông lại trong quá trình lưu kho. Không giữ ở nhiệt độ cao lâu.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết: Áp dụng các biện pháp kiểm tra phù hợp khi làm việc như thông thoáng để giảm nồng độ hơi. Sử dụng các phương tiện trang bị bảo hộ lao động.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ hoặc mặt nạ bảo vệ khi có nguy cơ bắn toé dầu

- Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ lao động

- Bảo vệ tay: Dùng găng nitrile hoặc neoprene.

- Bảo vệ hệ thống hô hấp: Sử dụng loại mặt nạ NIOSH/MSHA bảo vệ toàn bộ mặt với bộ lọc nếu quá giới hạn phơi nắng. Sử dụng mặt nạ dưỡng khí khi đi vào chỗ chật hẹp, chỗ bí và nơi đổ tràn nhiều.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Các phương tiện bảo hộ cá nhân như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động...

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...):

- Rửa tay sau khi tiếp xúc với sản phẩm và trước khi ăn, hút thuốc, rửa mặt vào cuối giờ làm việc.

- Thay quần áo bảo hộ lao động thường xuyên

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng ở nhiệt độ môi trường	Điểm sôi (°C): >100°C
Màu sắc: Trong	Điểm nóng chảy (°C): Không xác định
Mùi đặc trưng: Mùi dầu khoáng đặc trưng	Điểm bùng cháy (°C), min: 190 (theo ASTM D92)
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C): Không xác định

Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không xác định
Độ hòa tan trong nước: Không tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không xác định
Độ PH: 8,0-9,2	Tỷ lệ hoá hơi: Không xác định
Khối lượng riêng: Không xác định	Độ nhớt: 47-52 cSt ở 40°C

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và môi trường bình thường

- Khi di chuyển: Giữ chặt, đậy kín phuy, thùng khi không dùng. Không đổ ra cống rãnh hoặc môi trường xung quanh. Sử dụng các dụng cụ chứa phù hợp để tránh làm ô nhiễm môi trường. Rửa sạch sau khi di chuyển. Dụng cụ chứa sản phẩm sau khi dùng chưa làm sạch có thể gây nguy hiểm.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong quá trình tồn chứa

- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Không xác định

- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): Không xác định

- Phản ứng trùng hợp: Sẽ không xảy ra

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): Nếu để hở triền miên

- Không có số liệu đầy đủ chỉ ra sản phẩm hoặc các thành phần có thể trên 1% gây ra nguy hiểm lâu dài cho sức khoẻ.

- Sản phẩm này tạo thành từ dầu khoáng được chưng cất kỹ và không được cho rằng có chất gây ung thư theo IARC. Tất cả các loại dầu trong sản phẩm này được giải thích chứa ít hơn 3% chất chiết xuất được theo thử nghiệm IP 346.

- Không có số liệu đầy đủ chỉ ra sản phẩm hoặc các thành phần trên 0,1% có thể gây đột biến gen hoặc độc cho gen.

- Không có số liệu đầy đủ chỉ ra sản phẩm hoặc các thành phần có trên 0,1% có thể độc cho sinh sản.

- Không có chứng cứ hoặc tác dụng ngược đã được tìm thấy trong quá trình nghiên cứu mức độ độc hại của 2-ethylhexanol trên chuột. Liều lượng đến 3 ml/kg dùng trên da trong suốt quá trình thai nghén cho thấy chứng cứ độc cho mẹ, nhưng không có chứng cứ gây tổn thương cho con cái sau này. Trong nghiên cứu trước đây, lỗi sinh sản được ghi nhận bằng

truyền miệng, phồng tiện không chính thống trong môi trường làm việc.

2. Các ảnh hưởng độc khác: Nếu đề hồ lớn

- **Dị ứng mắt:** Có thể gây dị ứng mắt từ trung bình đến nặng trong khoảng 1-20%. Có thể gây dị ứng mắt nhưng không đến mức R-36 của Châu Âu.
- **Dị ứng da:** Gây dị ứng da dựa trên những thông số từ các hợp phần hoặc các nguyên liệu tương đương. Dính vào da kéo dài hoặc dính nhiều lần như từ quần áo nhiễm nguyên liệu có thể gây ra viêm da. Triệu chứng có thể là da đỏ, khô da và nứt da.
- **Viêm nhiễm đường hô hấp:** Nếu nguyên liệu được làm thành sương mù hoặc hơi bay ra từ gia nhiệt, hít phải sẽ gây dị ứng cho lớp màng nhầy và đường hô hấp trên. Dựa trên những thông số từ các hợp phần hoặc các nguyên liệu tương đương. Đề hồ với nồng độ cao có thể gây ra dị ứng.
- **Độc cho da:** Mức LD50 cho thỏ > 2000 mg/Kg. Dựa trên những thông số từ các hợp phần hoặc các nguyên liệu tương đương.
- **Độc do hít vào:** Không có số liệu đầy đủ chỉ ra sản phẩm hoặc các thành phần có thể gây độc khi hít phải.
- **Độc do miệng:** Mức LD50 trong chuột từ 2000 mg/kg đến 5000 mg/kg. Dựa trên những thông số từ các hợp phần hoặc các nguyên liệu tương đương.

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

- Không gây ảnh hưởng xấu cho sinh thái. Thông tin được đưa ra dựa trên kiến thức về thành phần và tính chất gây hại đối với sinh thái của các sản phẩm tương tự
- **Mức độ phân hủy sinh học:** Không dễ bị phân hủy sinh học. Thành phần cấu tạo chủ yếu có thể vốn là dễ phân hủy sinh học nhưng sản phẩm chứa thành phần chống lại tác động của môi trường.
- **Chỉ số BOD và COD:** Không xác định
- **Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học:** Không xác định
- **Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học:** Không xác định

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

- 1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp):** Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người và môi trường.
- 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** Nguyên liệu này, nếu vứt bỏ, không là rác nguy hại theo RCRA điều khoản 40 CFR 261.
- 3. Biện pháp tiêu hủy: Tái sinh hoặc chôn**
- 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** Làm rỗng dụng cụ chứa bằng cách xả hết hoàn toàn, đậy nắp chặt và thải bỏ theo qui định đảm bảo an toàn môi trường

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

- Không được xếp vào loại độc hại khi vận chuyển ADR/RID, UN, IMO, LATA/ ICAO
- Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ theo Nghị định số 104/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/11/2009.

- Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa theo Nghị định số 29/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/03/2005.

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới: Liên hợp quốc, EC, Các tổ chức quốc tế Mỹ, Anh, Hàn Quốc... về sản xuất, kinh doanh, vận tải sản phẩm dầu mỏ đã có quy định pháp lý về khai báo MSDS.

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Sản phẩm này không thuộc phân loại nguy hiểm theo điều lệ của EU.

PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

1. Ngày tháng biên soạn phiếu: Ngày 02 tháng 05 năm 2015

2. Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC:

- Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

- Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng cho một mục đích cụ thể. Không nên sử dụng sản phẩm cho mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của PLC.

- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân theo tất cả các quy định. PLC sẽ không có trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai với những khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc về bản chất của loại sản phẩm này. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.

- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết